

Số: /TB-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

## THÔNG BÁO

### Đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2025-2026

*Căn cứ Nghị Quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;*

Hiệu trưởng thông báo đến các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập và các lớp sinh viên tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2025-2026 với những nội dung cụ thể như sau:

#### **1. Đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường**

Gửi danh sách sinh viên được khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện và minh chứng kèm theo về phòng Công tác sinh viên;

Thời gian từ ngày ra thông báo đến hết ngày 29 tháng 05 năm 2026 để tổng hợp (bản cứng và file mềm gồm có file Word hoặc file Excel gửi chuyên viên Đào Duy Bôn, Email: [daoduybon@muce.edu.vn](mailto:daoduybon@muce.edu.vn)).

#### **2. Phòng Công tác sinh viên**

Tổng hợp danh sách sinh viên được khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện cùng minh chứng kèm theo, gửi về các khoa quản lý sinh viên. Thời gian đến hết ngày 03 tháng 06 năm 2026 kèm theo minh chứng.

#### **3. Các khoa quản lý sinh viên**

Tổng hợp, gửi danh sách khen thưởng, phạt trừ điểm rèn luyện cùng minh chứng cho các lớp sinh viên và giảng viên cố vấn học tập tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2025-2026. Thời gian đến hết ngày 07 tháng 06 năm 2026.

#### **4. Giảng viên cố vấn học tập, sinh viên**

- Cá nhân sinh viên kiểm tra các minh chứng thưởng, phạt điểm rèn luyện; căn cứ vào các minh chứng, tự đánh giá vào phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (*Phụ lục 2 mẫu kèm theo*);

- Giảng viên cố vấn học tập tổ chức họp lớp bình xét công khai kết quả đánh giá rèn luyện của từng sinh viên. Kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên phải được  $\geq 50\%$  ý kiến của tập thể lớp đồng ý;

- Giảng viên cố vấn học tập gửi kết quả đánh giá rèn luyện của lớp về khoa quản lý sinh viên và phòng Công tác sinh viên. Hồ sơ gồm có:

+ Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (*kết quả nộp về khoa quản lý sinh viên*);

+ Biên bản họp lớp (*Phụ lục 3 mẫu kèm theo - 2 bộ*);

+ Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp (*Phụ lục 4 - 2 bộ*).

**Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện:** từ ngày 08 tháng 06 năm 2026 đến hết ngày 22 tháng 06 năm 2026.

**Ghi chú:** *Mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện cá nhân sinh viên, biên bản họp, bảng tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện của lớp được đăng trên Website phòng Công tác sinh viên, đường Link: <https://phongcongtacsinhvien.muce.edu.vn>*

Hiệu trưởng yêu cầu Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập, lớp trưởng các lớp và sinh viên thực hiện đúng nội dung của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường (thực hiện);
- Cố vấn học tập, các lớp sinh viên (thực hiện);
- Niêm yết Website;
- Lưu VT, CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Đức Thường**

## PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Học kỳ:..... Năm học 20..... - 20.....

Họ tên:..... Mã số SV:..... Lớp:.....

### I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
<b>1</b>	<b>Tiêu chuẩn 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập</b> ( <i>Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm</i> )	<b>(0 ÷ 20) điểm</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kết quả học tập trong học kỳ</b> ( <i>lấy điểm thi lần thứ 1</i> )	<b>12 điểm</b>		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 3,6 đến 4,00	12 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 3,2 đến 3,59	10 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 2,5 đến 3,19	8 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 2,0 đến 2,49	6 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập từ 1,0 đến 1,99	3 điểm		
	+ Điểm trung bình chung học tập dưới 1,0	0 điểm		
<b>1.2</b>	<b>Chấp hành quy chế thi</b>	<b>4 điểm</b>		
	+ Không vi phạm.	4 điểm		
	+ Vi phạm mức khiển trách	- 2 điểm/lần		
	+ Vi phạm mức cảnh cáo	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm mức đình chỉ thi	- 4 điểm/lần		
<b>1.3</b>	<b>Tham gia các cuộc thi liên quan đến học thuật; tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia các cuộc thi sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên</b>	<b>4 điểm</b>		
	+ Cấp quốc gia	4 điểm/HP		
	+ Cấp tỉnh	3 điểm/HP		
	+ Cấp trường, cấp huyện	2 điểm/HP		
	+ Cấp khoa, cấp câu lạc bộ	1 điểm/HP		
	<i>Lưu ý:</i> + Sinh viên được chọn để ôn luyện nhưng không được chọn vào đội tuyển tham gia dự thi được đánh giá thấp hơn sinh viên tham gia dự thi 01 điểm. + Sinh viên đăng ký nhưng không tham gia dự thi mà không có lý do chính đáng bị trừ với số điểm tương ứng.			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
1.4	<b>Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập:</b> sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, có điểm trung bình chung học tập ( <i>lấy điểm thi lần thứ 1</i> ) từ 3,2 trở lên được thưởng 2 điểm trong kỳ xét.			
<b>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 20) điểm.</b>				
2	<b>Tiêu chuẩn 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)</b>	<b>(0 ÷ 25) điểm</b>		
2.1	<b>Chấp hành các văn bản chỉ đạo của cấp trên được Nhà trường triển khai</b>	<b>6 điểm</b>		
	+ Chấp hành tốt, kịp thời, không vi phạm	6 điểm		
	+ Chấp hành không tốt, không kịp thời	- 3 điểm/lần		
2.2	<b>Chấp hành kỷ luật của Nhà trường</b>	<b>10 điểm</b>		
	+ Chấp hành tốt, không vi phạm kỷ luật	10 điểm		
	+ Bị kỷ luật khiển trách trước toàn trường	- 5 điểm/lần		
	+ Bị kỷ luật cảnh cáo trước toàn trường	- 10 điểm/lần		
	+ Không nộp sổ liên lạc	- 10 điểm/HK		
	+ Không tham gia bảo hiểm y tế	- 10 điểm/HK		
2.3	<b>Chấp hành nội quy thư viện</b>	<b>2 điểm</b>		
	+ Chấp hành tốt	2 điểm		
	+ Vi phạm	- 2 điểm/lần		
2.4	<b>Chấp hành quy định đóng học phí</b>	<b>4 điểm</b>		
	+ Đóng học phí đầy đủ, đúng hạn	4 điểm		
	+ Đóng chậm, có lý do chính đáng, không bị cấm thi	2 điểm		
	+ Đóng chậm, không có lý do chính đáng, bị cấm thi	0 điểm		
2.5	<b>Chấp hành quy định nếp sống văn hóa học đường</b>	<b>3 điểm</b>		
	+ Chấp hành tốt, không có vi phạm	3 điểm		
	+ Vi phạm quy định, hút thuốc lá trong khu vực trường	- 3 điểm/lần		
<b>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 25) điểm</b>				
3	<b>Tiêu chuẩn 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)</b>	<b>(0 ÷ 20) điểm</b>		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
3.1	<b>Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +3 điểm)</b>	<b>9 điểm</b>		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	3 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 3 điểm/lần		
3.2	<b>Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +2 điểm)</b>	<b>6 điểm</b>		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	2 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
3.3	<b>Ý thức tham gia họp lớp - sinh hoạt đoàn thể ở lớp học</b>	<b>3 điểm</b>		
	+ Tham gia đầy đủ	3 điểm		
	+ Vắng mặt không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
3.4	<b>Tham dự các buổi tuyên truyền về pháp luật; cam kết phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội</b>	<b>2 điểm</b>		
	+ Có tham gia, có cam kết thực hiện 2 Không	2 điểm		
	+ Không tham gia, không có cam kết thực hiện 2 Không	0 điểm		
<b>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 20) điểm.</b>				
4	<b>Tiêu chuẩn 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)</b>	<b>(0 ÷ 25) điểm</b>		
4.1	<b>Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng</b>	<b>6 điểm</b>		
	+ Chấp hành tốt và tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức	6 điểm		
	+ Không tham gia các đợt tuyên truyền do Nhà trường hoặc các cơ quan chức năng tổ chức	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị lập biên bản	- 3 điểm/lần		
	+ Vi phạm quy định nội, ngoại trú, bị xử lý hành chính	- 6 điểm/lần		
4.2	<b>Lối sống, thái độ cư xử với mọi người xung quanh</b>	<b>4 điểm</b>		
	+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, cư xử đúng mực	4 điểm		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	+ Có hành vi không lành mạnh, không trung thực, cư xử không tốt, bị Nhà trường nhắc nhở nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật	- 2 điểm/lần		
4.3	<b>Tham gia các hoạt động công ích do Nhà trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +3 điểm)</b>	<b>9 điểm</b>		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động	3 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 3 điểm/lần		
4.4	<b>Tham gia các hoạt động công ích do các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc điều động (Tham gia một hoạt động +2 điểm).</b>	<b>6 điểm</b>		
	+ Đăng ký và tham gia hoạt động.	2 điểm/lần		
	+ Không chấp hành điều động hoặc đăng ký nhưng không tham gia mà không có lý do chính đáng	- 2 điểm/lần		
<b>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được cùng điểm thưởng hoặc trừ không vượt quá điểm khung (0 ÷ 25) điểm.</b>				
5	<b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác của Nhà trường (Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm)</b>	<b>(0 ÷ 10) điểm</b>		
5.1	<b>Sinh viên là Lớp trưởng, ủy viên BCH Đoàn trường, ủy viên BCH Hội Sinh viên; Bí thư chi Đoàn, Chi hội trưởng, Chủ nhiệm CLB sinh viên</b>	<b>(0÷10) điểm</b>		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	10 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	7 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.2	<b>Sinh viên là Lớp phó, phó Bí thư chi Đoàn, Chi hội phó, phó Chủ nhiệm CLB sinh viên</b>	<b>(0÷7) điểm</b>		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	7 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	5 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.3	<b>Sinh viên là ủy viên BCH chi đoàn, chi hội; ủy viên Ban chủ nhiệm CLB</b>	<b>(0÷5) điểm</b>		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	5 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	3 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
5.4	<b>Sinh viên là thành viên các CLB sinh viên MUCE</b>	<b>(0÷2) điểm</b>		
	Tham gia tích cực	2 điểm		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	Tham gia không tích cực	0 điểm		
5.5	<i>Sinh viên tham gia đội Lễ tân, Thanh niên xung kích, Tổ trưởng tổ ngoại trú tự quân an toàn về ANTT</i>	(0÷10) điểm		
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, xếp loại A	10 điểm		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại B	7 điểm		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại C	0 điểm		
<b>Ghi chú: Tổng số điểm đạt được không vượt quá điểm khung (10 điểm).</b>				
<b>Tổng cộng: TC 1 (20đ) + TC 2 (25đ) + TC 3 (20đ) + TC 4 (25đ) + 5 (10đ):</b>		<b>100</b>		
6	Sinh viên được thưởng điểm khi đạt các thành tích trong các hoạt động phong trào, học thuật, sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên hoặc tham gia các công tác khác	10 điểm		
6.1	<i>Phát hiện và tố giác tội phạm, được cơ quan Công an hoặc Nhà trường ghi nhận, tuyên dương hoặc khen thưởng</i>	+ 10 điểm		
6.2	<i>Hiển máu cấp cứu</i>	+ 10 điểm		
6.3	<i>Hiển máu</i>	+ 5 điểm		
6.4	<i>Sinh viên được khen thưởng trong các hoạt động phong trào, công tác xã hội, phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường</i>	(3÷ 6) điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp quốc gia.	+ 6 điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp tỉnh.	+ 5 điểm		
	+ Bằng khen, Giấy khen cấp trường, cấp huyện.	+ 3 điểm		
6.5	<i>Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao</i>	(1÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-5) điểm/SV.	(5÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (7-6-5-4) điểm/SV.	(4÷7)điểm/SV		
	+ Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (5-4-3-2) điểm/SV.	(2÷5)điểm/SV		
	+ Giải cấp Khoa: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm/SV.	(2÷4)điểm/SV		
	+ Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.	(1÷3)điểm/SV		
6.6	<i>Sinh viên được Nhà trường cử đi tham gia, đạt giải thưởng trong các cuộc thi học thuật, khởi nghiệp sáng tạo, đạt giải Loa thành hoặc các giải thưởng tương đương khác</i>	(1÷ 10) điểm		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
	+ Giải cấp quốc gia: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (10-9-8-6) điểm.	(6÷10)điểm/SV		
	+ Giải cấp tỉnh: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng với (8-7-6-4) điểm.	(4÷8)điểm/SV		
	+ Giải cấp trường, cấp huyện: giải (Nhất-Nhì-Ba-KK) tương ứng (6-5-4-3) điểm/SV.	(3÷6)điểm/SV		
	+ Giải cấp khoa: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (4-3-2) điểm.	(2÷ 4) điểm		
	+ Giải cấp CLB: giải (Nhất-Nhì-Ba) tương ứng (3-2-1) điểm/SV.	(1÷3)điểm/SV		
6.7	<b>Sinh viên có đề tài NCKH</b>	(4÷6)điểm/SV		
	+ Được đánh giá xuất sắc	6 điểm/SV		
	+ Được đánh giá hoàn thành	4 điểm/SV		
6.8	<b>Sinh viên tham gia hè tình nguyện</b>	10 điểm/HK		
6.9	<b>Sinh viên được kết nạp Đảng</b>	+ 5 điểm/HK		
6.10	<b>Sinh viên được Trường cử đi tham dự các hoạt động học thuật (các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi,...); sinh viên là thành viên của các CLB, tham gia các hoạt động lớn hoặc các cuộc thi (trong kế hoạch đã được đơn vị bảo trợ phê duyệt hoặc các hoạt động/cuộc thi đột xuất do đơn vị bảo trợ tổ chức).</b>	+ 2 điểm/HĐ		
6.11	<b>Sinh viên tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh của Nhà trường.</b>	+ 5 điểm/ HĐ		
<b>Ghi chú: Tổng các loại điểm thưởng của mục 6 (từ 6.1 đến 6.11) không vượt quá 10 điểm</b>				

**Ghi chú:**

- + Tổng điểm đánh giá rèn luyện không vượt quá 100 điểm.
- + Sinh viên tự đánh giá, nộp Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cho lớp trưởng. Nếu sinh viên không nộp phiếu này sẽ nhận kết quả rèn luyện là 0 điểm và xếp loại rèn luyện Kém trong học kỳ.

**II. PHÂN LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành các loại: **Xuất sắc; Tốt; Khá; Trung bình; Yếu; Kém** theo thang điểm như sau:

Từ 90-100 điểm: xuất sắc                      Từ 80-89 điểm: tốt                      Từ 65-79 điểm: khá  
 Từ 50-64 điểm: trung bình                      Từ 35-49 điểm: yếu                      Dưới 35 điểm: kém

**Tổng điểm đánh giá: ..... Xếp loại: .....**

**XÁC NHẬN  
CỦA GV.CVHT**

**XÁC NHẬN CỦA  
BAN CÁN SỰ LỚP**

Phú Yên, ngày...../...../20.....  
**Sinh viên**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

